

Số: 1699/QĐ-SGDĐT

Sóc Trăng, ngày 13 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá các lĩnh vực công tác đối với
các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng
năm học 2023-2024**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Kiện toàn Cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí đánh giá các lĩnh vực công tác đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1007/QĐ-SGDĐT ngày 09/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ban hành Tiêu chí đánh giá các lĩnh vực công tác đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng, năm học 2022-2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Phòng TĐKT, Sở Nội vụ;
- Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh;
- Giám đốc và các P.Giám đốc;
- Website Sở;
- Lưu: VT, TĐKT.

GIÁM ĐỐC

Châu Tuấn Hồng

QUY ĐỊNH

Tiêu chí đánh giá các lĩnh vực công tác đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng, năm học 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số: 1699/QĐ-SGDĐT, ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xem xét, đánh giá, xếp loại và khen thưởng các trường trung học phổ thông thực hiện nhiệm vụ theo các tiêu chí của các lĩnh vực công tác như sau:

| | |
|--|-------|
| 1. Thực hiện kế hoạch phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục (*) | 350 đ |
| 2. Xây dựng đội ngũ | 50 đ |
| 3. Chính trị - tư tưởng, phong trào (*) | 100 đ |
| 4. Khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia | 100 đ |
| 5. Kiểm tra nội bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng | 50 đ |
| 6. Giáo dục dân tộc | 50 đ |
| 7. Cải cách hành chính | 50 đ |
| 8. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | 50 đ |
| 9. Thống kê, quản lý tài chính và huy động các nguồn lực xã hội | 50 đ |
| 10. Tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học | 50 đ |
| 11. Thực hiện các cuộc vận động và công tác tham mưu với chính quyền địa phương | 50 đ |

Tổng số điểm của 11 lĩnh vực là 950 điểm và điểm cộng (điểm cộng thưởng không vượt quá 50 điểm)

(*) Có điểm thêm điểm cộng (50 điểm) và điểm không chế trong các lĩnh vực này. Tuy nhiên tổng điểm của từng tiêu chí và cộng không vượt quá số điểm theo quy định

A. TIÊU CHÍ VÀ ĐIỂM CỦA TỪNG LĨNH VỰC CÔNG TÁC

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|----------|---|-------------|--------------|---------------|--|
| I | Thực hiện kế hoạch phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục | 350đ | | | |
| 1 | Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, quy chế chuyên môn | 30 | | | |
| | - Xây dựng kế hoạch theo hướng dẫn kế hoạch năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo. | 10 | | | Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành |
| | - Xây dựng ít nhất 04 chuyên đề dạy học/một tổ chuyên môn/năm học (Dạy học theo NCBH và chuyên đề nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn). <i>Lưu ý: Nếu thực hiện không đủ số lần qui định không tính điểm.</i> | 10 | | | Có biên bản sinh hoạt chuyên đề của Tổ |
| | - Thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học trong nhà trường về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh. | 10 | | | Biên bản họp tổ chuyên môn Có số liệu cụ thể |
| 2 | Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá | 125 | | | |
| | a) Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học (50 đ) | | | | |
| | - Xây dựng kế hoạch bài học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực của học sinh dựa trên yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. | 5 | | | |
| | - Có kế hoạch và tổ chức hội thảo, sinh hoạt chuyên đề cụm trường, hoặc giao lưu hội thảo, sinh hoạt chuyên đề học tập trong tỉnh, ngoài tỉnh được Sở GDĐT phê duyệt + Đơn vị đăng cai được tròn 10 điểm. + Đơn vị tham gia được 2 điểm/ lần. | 10 | | | - Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành |
| | - Tổ chức cho học sinh tham quan các di tích văn hóa-lịch sử của địa phương. | 10 | | | |
| | - Tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế, tư vấn hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh. | 10 | | | - Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành hoặc công văn chấp thuận của Sở GDĐT. |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|----|---|------------|--------------|---------------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật (kể cả sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng) và có ít nhất 01 (một) dự án dự thi cấp tỉnh. + Có tổ chức cho học sinh tham gia (10 điểm) + Có sản phẩm dự thi cấp tỉnh (5 điểm) | 15 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức: số, ngày, tháng, năm ban hành, sản phẩm dự thi cấp tỉnh. |
| | <p>b) Chất lượng giáo dục (75đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch nâng cao chất lượng các môn học đặc biệt là công tác phụ đạo học sinh yếu, kém (hoặc chưa đạt). - Huy động đủ học sinh ra lớp được tròn điểm; thiếu so với chỉ tiêu mỗi 1% thì trừ 1 điểm. - Học sinh bỏ học không quá 0,5%; dưới 0,2% đối với các trường chuẩn quốc gia và không bỏ học đối với trường chuyên. <i>* Trường hợp bỏ học nhiều hơn 0,5% đến dưới 1%: trừ 2,0đ; nếu tỉ lệ bỏ học vượt quá 1% sẽ không được tính điểm và không được xét tặng bằng khen hoặc cờ thi đua của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh.</i> - Học sinh có học lực yếu, kém (chưa đạt) (chưa kiểm tra lại trong hè) không quá 3,0% và tỉ lệ lưu ban không quá 0,5% (đã kiểm tra lại trong hè); không quá 1% và lưu ban không quá 0,5% đối với các trường chuẩn quốc gia. Riêng trường chuyên không quá 0,5% học sinh xếp loại trung bình và không có học sinh yếu, kém (chưa đạt). <i>* Trường hợp học lực yếu, kém (hoặc chưa đạt) nhiều hơn mỗi 1% trừ 2,0 điểm, tỉ lệ lưu ban nhiều hơn mỗi 0,2% trừ 2,0 điểm.</i> - Các môn thi TN THPT năm trước liền kề: Dựa vào điểm trung bình (ĐTB) của cả nước, nếu ĐTB mỗi môn của trường (làm tròn đến 1 chữ số thập phân): <ul style="list-style-type: none"> + Cao hơn ĐTB của cả nước bao nhiêu thì cộng thêm bấy nhiêu điểm nhưng không quá điểm quy định của mục này. + Thấp hơn ĐTB của cả nước bao nhiêu thì trừ bấy nhiêu điểm. <i>* Không chế: Nếu có ĐTB của 1 trong 9 môn thi thấp hơn ĐTB cả</i> | 10 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành |
| | | 15 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Có số liệu cụ thể. Chỉ tiêu lớp 10 chốt danh sách ngày 15/9; lớp 11, lớp 12 lấy số học sinh lên lớp năm trước. Chuyển trường có minh chứng. |
| | | 10 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Có số liệu cụ thể. |
| | | 20 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Có số liệu cụ thể. |
| | | 20 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Có số liệu cụ thể. |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|----------|---|-----------------------|--------------|---------------|---|
| | <i>nước từ 1 điểm trở lên thì không được đề nghị tặng BK hoặc Cờ thi đua của UBND tỉnh.</i> | | | | |
| 3 | Các cuộc thi dành cho giáo viên và học sinh | 50 | | | |
| | a) Tham gia các cuộc thi dành cho học sinh (30 điểm) Phát hiện, bồi dưỡng và thành lập đội tuyển tham gia các kỳ thi, hội thi cấp tỉnh: (1)Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp THPT; (2)Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật; (3)Hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh hoặc Hội khoẻ Phù Đổng hoặc <i>Giải thể thao học sinh phổ thông toàn quốc</i> : + Thành lập đội tuyển và có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng các cuộc thi, Hội thi cấp tỉnh (trừ 3 điểm/cuộc thi nếu không đủ); + Có học sinh đạt giải tỉnh/ cuộc thi hoặc hội thi; (trừ 2 điểm/cuộc thi nếu không đạt giải) + Có từ 10 học sinh đạt giải học sinh giỏi tỉnh trở lên; + Có học sinh trong đội dự tuyển học sinh giỏi quốc gia; + Có học sinh trong đội tuyển quốc gia. | 9 6 5 5 5 | | | - Quyết định và Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành và số liệu về kết quả đạt giải cấp tỉnh trở lên. - Số liệu kết quả đạt giải. - Số liệu kết quả đạt giải. - Số liệu kết quả đạt giải. - Số liệu kết quả đạt giải. |
| | b) Tham gia các phong trào dành cho giáo viên (20 điểm) Tổ chức cấp trường: thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, trong đó: - Có ít nhất 20% giáo viên (so với tổng số giáo viên) đạt giáo viên giỏi cấp trường. Riêng trường chuẩn quốc gia có ít nhất 30% và trường chuyên có ít nhất 50% giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp trường. - Có sáng kiến cấp ngành được chấm đạt 100% được tròn điểm (cứ 1% tương đương 0,1 điểm). | 10 10 | | | - Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành - Có số liệu cụ thể. - Có số liệu cụ thể. |
| 4 | Vệ sinh môi trường | 60 | | | |
| | - Có kế hoạch xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn: - Có cây xanh tạo bóng mát có độ che phủ sân trường tối thiểu 40% được 10 điểm, 10% tương đương 2,5 điểm. - Có trang trí cây xanh, hoa kiểng trong khuôn viên trường và lớp | 10 10 10 | | | - Có kế hoạch - Hình ảnh - Hình ảnh |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|----------|--|------------|--------------|---------------|---|
| | <p>học (Sân trường; Lớp học).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phòng học bộ môn sắp xếp sạch sẽ, ngăn nắp, khoa học, thẩm mỹ. - Khôi phòng học có đủ ánh sáng, thoáng mát, sạch sẽ, ngăn nắp, khoa học, thẩm mỹ. - Tận dụng, khai thác tất cả các khu vệ sinh, sạch sẽ; có bố trí thu gom và xử lý rác đúng quy định. | 10 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua đánh giá của các đoàn công tác, đoàn kiểm tra của Sở GDĐT; hoặc Lãnh đạo Sở đến thăm và làm việc. |
| 5 | <p><i>Công tác quản lý</i></p> <p>Có giải pháp sáng tạo, mang lại hiệu quả rõ rệt trong đổi mới quản lý giáo dục trung học, nâng cao chất lượng dạy và học của đơn vị. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo kịp thời, hiệu quả việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục; củng cố kỷ cương, nề nếp trong dạy học, kiểm tra đánh giá, thi; bảo đảm khách quan, chính xác, công bằng. - Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra nội bộ và chỉ đạo các bộ phận xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn; - Xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. - Xây dựng tiêu chí thi đua phù hợp với thực tế đơn vị. - Lãnh đạo trường có kế hoạch và thực hiện dự giờ 100% giáo viên. - Quản lý nghiêm túc các hoạt động dạy thêm, học thêm. - Cung cấp thông tin tuyển sinh, thực hiện thủ tục nhập học. - Thực hiện thủ tục chuyển trường đầy đủ, kịp thời; thuận tiện cho người dân. | 75 | | | <p>Các kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành; hoặc tên giải pháp; số liệu dự giờ giáo viên...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số liệu dạy thêm trong nhà trường: bao nhiêu học sinh, môn học,... - Số liệu cụ thể |
| 6 | <p><i>Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Sở GDĐT</i></p> <p>Báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu, qui định của Ngành (mỗi báo cáo chậm trễ, không chính xác hoặc không đạt yêu</p> | 10 | | | <p>Theo dõi của phòng chuyên môn thuộc Sở</p> |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|--------------------|---|------------|--------------|---------------|--|
| | <i>cầu sẽ bị trừ 5 điểm).</i> | | | | |
| Tiêu chí cộng điểm | <p>Các cuộc thi dành cho giáo viên và học sinh (Cộng tối đa 25 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc thi dành cho học sinh <ul style="list-style-type: none"> + Kỳ thi HSG THPT cấp quốc gia: Có học sinh đạt giải, mỗi giải được cộng 2,0 điểm; Riêng trường đạt chuẩn quốc gia phải có ít nhất 01 học sinh đạt giải quốc gia, điểm cộng chỉ tính từ học sinh thứ 02 trở lên đạt giải; trường chuyên phải có 10 học sinh đạt giải quốc gia, điểm cộng chỉ tính từ học sinh thứ 11 trở lên đạt giải. + Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; Hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh toàn quốc hoặc Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc hoặc Giải thể thao học sinh phổ thông toàn quốc: Mỗi giải cộng 2,0 điểm. - Cuộc thi dành cho giáo viên: Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Giải Nhất: cộng 5,0 điểm/01 giải + Giải Nhì: cộng 2,0 điểm/01 giải + Giải Ba: cộng 1,0 điểm/01 giải + Giải Tư: cộng 0,5 điểm/01 giải | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Số liệu kết quả đạt giải - Số liệu kết quả đạt giải |
| Tiêu chí không chế | <i>Nếu đơn vị nào bị đoàn kiểm tra, đoàn công tác các cấp nhắc nhở về lĩnh vực Vệ sinh môi trường sẽ không được xét thi đua.</i> | | | | |
| II | Xây dựng đội ngũ | 50 | | | |
| 1 | Thực hiện công tác đánh giá viên chức, người lao động hàng năm đúng quy định; báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động ở đơn vị (chậm nhất sau thời điểm kết thúc năm học 10 ngày) | 10 | | | BC kết quả theo mẫu quy định |
| 2 | Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định; báo cáo kết quả đánh giá, | 10 | | | BC kết quả theo mẫu quy định |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|------------|--|-------------------|--------------|---------------|---|
| | xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên (chậm nhất sau thời điểm kết thúc năm học 10 ngày) | | | | |
| 3 | Có Kế hoạch và triển khai bồi dưỡng thường xuyên theo quy định | 5 | | | KH BDTX và báo cáo kết quả thực hiện |
| 4 | Thực hiện kế hoạch điều chuyển giáo viên theo quy định, không để xảy ra tình trạng khiếu nại, khiếu kiện (do không khách quan, công bằng) | 5 | | | Báo cáo của đơn vị và kiểm tra thực tế |
| 5 | Cập nhật kịp thời thông tin trên phần mềm PMIS, TEMIS, cơ sở dữ liệu ngành | 10 | | | Báo cáo của đơn vị và kiểm tra thực tế |
| 6 | Thực hiện các báo cáo về công tác tổ chức, cán bộ đúng thời gian quy định (mỗi báo cáo trễ hạn hoặc báo cáo không đạt yêu cầu sẽ bị trừ 5 điểm) | 10 | | | Báo cáo của đơn vị và kiểm tra thực tế |
| III | Chính trị - tư tưởng, phong trào | 100 | | | |
| 1 | Công tác chính trị, tư tưởng | 15 | | | |
| | - Duy trì bộ phận chỉ đạo, theo dõi, xử lý công tác giáo dục chính trị tư tưởng của đơn vị. - Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên cho đội ngũ CB, GV, CNV và học sinh trên cơ sở kế hoạch của Bộ và Sở GDĐT. - Xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. | 5,0 5,0 5,0 | | | Mỗi nội dung cần phải có Kế hoạch (số, ngày, tháng, năm ban hành) |
| 2 | Công tác học sinh | 25 | | | |
| | - Xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng hoạt động như: Tổ chức tập luyện và duy trì nề nếp hát quốc ca, tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ tạo môi trường thân thiện, gần gũi với học sinh; Xây dựng Quy tắc ứng xử văn hóa trong học sinh; thực hiện tốt việc giáo dục văn hóa, thẩm mỹ, truyền thống trong học sinh, giáo dục đạo đức và kỹ | 5,0 | | | |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|----------|--|------------|--------------|---------------|---|
| | <p>năng sống cho học sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt các nội dung công tác học sinh từ các văn bản hướng dẫn, quy định về công tác học sinh của Sở GDĐT và các cơ quan có thẩm quyền. - Có thành lập và xây dựng kế hoạch hoạt động của Tổ tư vấn tâm lý cho học sinh; triển khai thực hiện hệ thống phòng ngừa bạo lực học đường tại đơn vị. - Tổ chức tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân học sinh và xử lý kỷ luật nghiêm minh, đúng quy chế, mang tính giáo dục cao đối với tập thể, cá nhân học sinh vi phạm nội quy, quy định của nhà trường. - Mỗi năm tổ chức ít nhất một cuộc thi văn hóa, văn nghệ cấp nhà trường; thành lập đội tuyển của đơn vị tham gia các cuộc thi văn hóa, văn nghệ cấp địa phương và cấp tỉnh theo quy định. - Có văn bản phối hợp và triển khai thường xuyên, hiệu quả việc phối hợp với cơ quan công an ở địa phương và các cơ quan chức năng trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học, không có trường hợp học sinh gây gỗ hoặc đánh nhau. | 5,0 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các báo cáo của đơn vị. - Thông qua đánh giá của các đoàn công tác, đoàn kiểm tra của Sở GDĐT; hoặc Lãnh đạo Sở đến thăm và làm việc. - Mỗi nội dung cần phải có Kế hoạch (số, ngày, tháng, năm ban hành), các số liệu hoặc kết quả cụ thể (nếu có). - Báo cáo kịp thời các vụ việc xảy ra có liên quan đến học sinh (bằng văn bản). |
| 3 | <i>Giáo dục pháp luật</i> | 30 | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai nội dung giáo dục địa phương; lồng ghép tích hợp các nội dung theo chỉ đạo của Bộ GDĐT. <p><i>(Mỗi nội dung có điểm (tổng số nội dung/15 điểm) từng phần như nhau, không thực hiện thì không có điểm nội dung đó)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hằng năm có kế hoạch phổ biến, triển khai có hiệu quả công tác: <ul style="list-style-type: none"> + Quản lý hiệu quả, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng bạo lực có liên quan đến học sinh, các tệ nạn xã hội xâm nhập học đường; đảm bảo an ninh trật tự không để trộm cắp, làm thất thoát tài sản nhà trường; không có cán bộ, giáo viên và học sinh vi phạm Luật giao thông; + Không để xảy ra vụ việc nghiêm trọng và không để cán bộ, giáo | 15,0 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi nội dung cần phải có kế hoạch (số, ngày, tháng, năm ban hành). - Số liệu cụ thể (nếu có): Mỗi nội dung triển khai nêu rõ số cuộc, số học sinh tham gia |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|---------------------------|--|------------|--------------|---------------|--|
| | viên, nhân viên và học sinh trường vi phạm pháp luật; + Không để xảy ra tình trạng báo, đài phản ánh làm ảnh hưởng xấu đến đơn vị. | 5,0 | | | |
| 4 | <i>Giáo dục ngoại khóa</i> | 10 | | | |
| | - Tổ chức hoạt động ngoại khoá nhằm giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục hướng nghiệp trong học sinh. | 2,5 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi nội dung cần phải có kế hoạch (số, ngày, tháng, năm ban hành) - Số liệu cụ thể (nếu có): số cuộc, số học sinh tham gia,... |
| | - Thực hiện đúng qui định đối với các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Tăng cường đưa dân ca và các trò chơi dân gian vào trường học theo nội dung phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, đảm bảo linh hoạt về hình thức. | 2,5 | | | |
| | - Mỗi trường có ít nhất 01 câu lạc bộ thể thao hoặc câu lạc bộ năng khiếu dành cho học sinh, có kế hoạch và thường xuyên hoạt động. | 2,5 | | | |
| | - Có kế hoạch phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể, gia đình, ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc giáo dục học sinh. | 2,5 | | | |
| 5 | <i>Y tế trường học</i> | 10 | | | |
| | - Có phòng y tế, có đầy đủ thuốc và dụng cụ khám, sơ cấp cứu ban đầu và phân công cán bộ phụ trách công tác y tế. | 2,5 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ sổ sách theo quy định; - Thông qua đánh giá của các đoàn công tác, đoàn kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo; hoặc Lãnh đạo Sở đến thăm và làm việc. |
| | - Thực hiện đầy đủ theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT về quy định công tác y tế trường học. | 2,5 | | | |
| | - Không để xảy ra tai nạn thương tích; dịch bệnh; ngộ độc thực phẩm trong nhà trường. | 5,0 | | | |
| 6 | <i>Báo cáo</i> Báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu, qui định của Ngành. (Mỗi báo cáo chậm trễ, không chính xác hoặc không đạt yêu cầu sẽ bị trừ 5 điểm). | 10 | | | Theo dõi của phòng chuyên môn thuộc Sở |
| <i>Tiêu chí cộng điểm</i> | <i>Tham gia các phong trào dành cho giáo viên và học sinh</i> Tích cực tham gia các cuộc thi dành cho giáo viên và học sinh do cấp trên phát động. | | | | Có số liệu cụ thể về kết quả của từng cuộc thi kể cả thi “Giải Toán trên máy |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|---------------------------|---|--------------------|--------------|---------------|--|
| | <i>Lưu ý: Điểm cộng cho các cuộc thi Sở GDĐT sẽ thông báo cho các đơn vị trước khi chấm điểm thi đua cụm. Không tính các cuộc thi tại khoản 3 Mục I và tổng điểm cộng tất cả cuộc thi không quá 25 điểm.</i> | | | | tính cầm tay” hàng năm (Phòng GDĐT – GDTX phối hợp với Phòng TrH tổng hợp và chia sẻ trên Google drive sau khi kết thúc mỗi cuộc thi, hội thi) |
| <i>Tiêu chí không chế</i> | Không để xảy ra vụ việc nghiêm trọng và không có cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường vi phạm pháp luật. * Nếu có cán bộ, giáo viên, học sinh xảy ra vụ việc nghiêm trọng và vi phạm pháp luật thì không xem xét tặng Cờ hoặc bằng khen UBND tỉnh. | | | | |
| IV | Khảo thí; Kiểm định chất lượng giáo dục (KT&KĐCLGD) và công nhận đạt chuẩn quốc gia | 100 | | | |
| 1 | Xây dựng kế hoạch và tổ chức | 15,0 | | | |
| | - Thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn nhiệm vụ năm học và các quy định của Bộ, Sở GDĐT. - Tổ chức thực hiện kế hoạch tự kiểm tra bằng tốt nghiệp THPT (ít nhất 2 lần/năm học). - Xây dựng kế hoạch tự đánh giá (100%) và đánh giá ngoài chất lượng giáo dục (các trường đã thực hiện đánh giá ngoài xong phải đăng ký thực hiện chu kỳ 2). | 5,0 5,0 5,0 | | | - Kế hoạch năm học có nêu nhiệm vụ đối với công tác KĐCLGD (TĐG và ĐGN). - Quyết định thành lập Tổ kiểm tra và biên bản kiểm tra bằng tốt nghiệp THPT - Quyết định và kế hoạch của Hội đồng tự đánh giá. |
| 2 | Công tác khảo thí | 25 | | | |
| | - Thực hiện đầy đủ các hoạt động và có giải pháp hiệu quả trong việc tăng cường tính trung thực về kết quả các kỳ kiểm tra của trường. - Tổ chức các kỳ kiểm tra định kỳ nghiêm túc, đúng quy chế. - Thực hiện việc cấp phát bằng tốt nghiệp THPT cho học sinh đạt từ 97% trở lên. Tỷ lệ cấp phát bằng tốt nghiệp THPT, dưới mỗi 5% thì trừ 5 điểm. | 5,0 5,0 10,0 | | | - Quyết định thành lập soạn thảo đề thi/coi thi/chấm thi hoặc kế hoạch phân công nhiệm vụ. - Kế hoạch năm học có nêu nhiệm vụ đối với công tác này. - Sổ gốc cấp phát văn bằng (bản photo)/Sổ đăng bộ (từ năm 2022). |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|---|--|------------|--------------|---------------|--|
| | - Tổ chức cho học sinh đầu cấp nộp đủ bằng tốt nghiệp THCS về cho trường. | 5,0 | | | - Báo cáo của đơn vị và kiểm tra thực tế. |
| 3 | <i>Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia</i> | 50 | | | |
| Tiêu chí không ché | - Rà soát, cập nhật công tác tự đánh giá trường học theo qui định của Bộ GDĐT và Sở GDĐT. <i>Lưu ý: Nếu trường không thực hiện rà soát, cập nhật công tác tự đánh giá thì không xét tặng Bằng khen hoặc Cờ thi đua UBND tỉnh.</i> | 5,0 | | | - Gửi báo cáo tự đánh giá qua email: phongktd.sosoctrang@moet.edu.vn (chậm nhất ngày 15/5 hằng năm) |
| | - Thực hiện công tác đánh giá ngoài đúng kế hoạch của Sở GDĐT từ đầu năm học (trường hợp trường đủ điều kiện đánh giá ngoài, nhưng không đăng ký về Sở GDĐT thì không tính điểm). | 15 | | | - Kế hoạch năm học có nêu nhiệm vụ đối với công tác KĐCLGD (tự đánh giá và đánh giá ngoài). Công văn đăng ký đánh giá ngoài (đối với trường hợp thực hiện đánh giá ngoài). |
| | - Công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. | 5,0 | | | - Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của trường. |
| | - Có kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. | 5,0 | | | - Công văn đăng ký trường đạt chuẩn quốc gia. |
| | - Hàng năm, có đánh giá kết quả của quá trình xây dựng kế hoạch trường đạt chuẩn để có điều chỉnh kịp thời. | 5,0 | | | |
| - Đăng ký trường đạt chuẩn quốc gia và thực hiện đúng tiến độ: 15 điểm; trường hợp trễ so với thời gian đăng ký nhưng vẫn đạt kết quả trong năm: trừ 5 điểm; trường hợp không đăng ký theo kế hoạch trừ 30 điểm | 15 | | | | |
| 4 | Báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu, qui định của Ngành (<i>mỗi báo cáo chậm trễ, không chính xác hoặc không đạt yêu cầu sẽ bị trừ 5,0 điểm</i>). | 10 | | | |
| V | Kiểm tra nội bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng | 50 | | | |
| 1 | <i>Công tác kiểm tra nội bộ</i> | 20 | | | |
| | - Xây dựng kế hoạch kiểm tra: Kế hoạch kiểm tra có nội dung, đối tượng cụ thể và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. | 5,0 | | | - Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành. |
| | - Lực lượng tham gia công tác kiểm tra nội bộ có năng lực. | 5,0 | | | - Quyết định thành lập Tổ kiểm tra. |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|-----------|---|-------------------|--------------|---------------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch đúng tiến độ, đối tượng, nội dung. - Theo dõi việc thực hiện kiến nghị kết luận kiểm tra. | 5,0 5,0 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ kiểm tra: quyết định, thông báo kết quả kiểm tra. - Báo cáo theo dõi thực hiện kiến nghị kiểm tra (Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học). |
| 2 | <i>Công tác tiếp công dân</i> | 15 | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tiếp công dân, xử lý đơn, theo quy định. - Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh kịp thời đúng quy định của pháp luật. Thực hiện lưu giữ hồ sơ đúng quy định. - Tổ chức đối thoại với giáo viên, học sinh 1 lần/ năm | 5,0 5,0 5,0 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phân công trực tiếp công dân; thông báo Lịch tiếp công dân; Sổ tiếp Công dân. - Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. - Biên bản cuộc họp. |
| 3 | <i>Công tác phòng, chống tham nhũng</i> | 10 | | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch kịp thời, có biện pháp thực hiện cụ thể, phù hợp với tình hình đơn vị. - Thực hiện dân chủ ở cơ sở, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện nghiêm túc tinh thần chỉ đạo của ngành về việc triển khai thực hiện công khai theo quy định. | 5,0 5,0 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phòng chống tham nhũng, tiêu cực. - Quy chế dân chủ; biên bản, hồ sơ công khai. |
| 4 | Báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu, qui định của Ngành. <i>(Mỗi báo cáo chậm trễ, không chính xác hoặc không đạt yêu cầu sẽ bị trừ 0,25 điểm).</i> | 5,0 | | | Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học). |
| VI | Giáo dục dân tộc | 50 | | | |
| 1 | - Nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc. Kết quả học tập văn hóa, rèn luyện đạo đức (2 mặt giáo dục) của học sinh dân tộc tăng hơn so với năm học trước. | 5,0 | | | - Có số liệu cụ thể |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|----|---|------------|--------------|---------------|---|
| | <p>- Các trường PTDTNT xây dựng kế hoạch đảm bảo cho học sinh có chỗ ở an toàn, đủ ăn, đủ mặc, đủ sách học; Thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tốt cho học sinh nội trú; Riêng đối với các đơn vị trường phổ thông xây dựng kế hoạch và có biện pháp cụ thể, nhằm giúp đỡ, hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số học tập tốt và hạn chế tối đa tình trạng học sinh dân tộc bỏ học.</p> <p>- <i>Có tổ chức các hoạt động giáo dục cụ thể, đặc thù gắn với yêu cầu giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh DTTS.</i></p> | 5,0 | | | <p>- Có số liệu cụ thể hoặc kế hoạch thực hiện của nhà trường</p> <p>- Kế hoạch cho từng nội dung hoạt động cụ thể</p> |
| 2 | <p><i>Đảm bảo chất lượng dạy tiếng dân tộc thiểu số:</i> Đối với các trường phổ thông có tổ chức dạy tiếng dân tộc (tiếng Khmer) theo chương trình và sách giáo khoa của Bộ GDĐT đã ban hành theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010, Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT ngày 03/11/2011. Riêng đối với các trường có ít học sinh dân tộc (không có dạy tiếng dân tộc) phải có kế hoạch phù hợp nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện cho học sinh DTTS nâng cao chất lượng trong học tập.</p> | 10 | | | <p>Có số liệu cụ thể về học sinh tham gia học tiếng DTTS (trường có dạy tiếng DTTS); hoặc có Kế hoạch, cách thức triển khai thực hiện hỗ trợ học sinh DTTS nâng cao chất lượng học tập (đối với trường không tổ chức dạy tiếng DTTS).</p> |
| 3 | <p>Tạo điều kiện cho giáo viên công tác ở trường vùng dân tộc được theo học các lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc (tiếng Khmer)</p> | 5,0 | | | <p>Có số liệu cụ thể</p> |
| 4 | <p>- Thực hiện đúng, đủ và kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh dân tộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn... theo quy định hiện hành và chế độ báo cáo theo quy định.</p> <p>- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách ưu đãi của Đảng, nhà nước đối với giáo viên và học sinh DTTS.</p> | 5,0 | | | <p>- Có số liệu cụ thể</p> <p>- Kế hoạch cụ thể hoặc kế hoạch phối hợp với các đơn vị khác</p> |
| 5 | <p>Báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu, qui định của Ngành. <i>(Mỗi báo cáo chậm trễ, không chính xác hoặc không đạt yêu cầu sẽ bị trừ 5 điểm).</i></p> | 10 | | | <p>Theo dõi của phòng chuyên môn</p> |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|-------------|---|-----------------|--------------|---------------|--|
| VII | Cải cách hành chính | 50 | | | |
| | Tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính của các đơn vị được thực hiện theo Quyết định ban hành tiêu chí chấm điểm cách hành chính các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GDĐT (hiện hành). | | | | Kết quả chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của đơn vị theo Quyết định của Sở GDĐT |
| VIII | Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số | 50 | | | |
| 1 | Triển khai hệ thống website | 5 | | | |
| | - Triển khai website của trường tối thiểu có các nội dung sau: Giới thiệu cơ cấu tổ chức; Chức năng nhiệm vụ đơn vị; Trang tin tức; Văn bản; Trang cải cách hành chính; Liên kết đến hệ thống website Sở, Bộ GDĐT (thiếu mỗi mục trừ 0,25đ). - Website phải hoạt động hiệu quả, cập nhật tin tức kịp thời. | 2,5 2,5 | | | Theo dõi của phòng chuyên môn thuộc Sở |
| 2 | Thực hiện hệ thống email và Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu LGSP tỉnh Sóc Trăng | 10 | | | |
| | - Sử dụng hệ thống email (soctrang.edu.vn và soctrang.gov.vn) trong việc liên hệ, trao đổi thông tin, gửi và nhận văn bản điện tử phục vụ công việc hàng ngày. - Khai thác, sử dụng Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu LGSP tỉnh Sóc Trăng hiệu quả trong việc tiếp nhận và xử lý văn bản. - Thực hiện ký số (lãnh đạo và trường) và phát hành văn bản trên Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu LGSP tỉnh Sóc Trăng. | 2,5 2,5 5 | | | - Thông qua báo cáo của trường - Theo dõi của phòng chuyên môn, Văn phòng Sở. - Trên Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu LGSP tỉnh Sóc Trăng. - Trên Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu LGSP tỉnh Sóc Trăng. |
| 3 | Công tác tin học hóa quản lý trong trường học | 15 | | | |
| | - Khai thác hiệu quả các phần mềm ứng dụng quản lý giáo dục: Quản lý đội ngũ, Quản lý học sinh, Quản lý tài chính, Quản lý tài sản, Quản lý thiết bị (thiếu mỗi mục trừ 0,5 điểm). - Cập nhật dữ liệu trên hệ thống Quản lý trường học kịp thời, chính xác theo các mốc thời gian quy định của Sở GDĐT (mỗi lần trễ trừ 0,5 điểm). - Cập nhật cơ sở dữ liệu ngành kịp thời, chính xác đúng quy định | 5 5 5 | | | - Liệt kê tên các phần mềm đã ứng dụng. - Theo dõi của phòng chuyên môn thuộc Sở - Theo dõi của phòng chuyên môn thuộc |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|-----------|--|------------------|--------------|---------------|--|
| | (csdl.moet.gov.vn) gồm báo cáo đầu năm, báo cáo cuối năm, cập nhật dữ liệu học sinh lớp 12 (mỗi lần trẻ, không chính xác trừ 0,5 điểm). | | | | Sở trên Cơ sở dữ liệu ngành |
| 4 | <i>Bồi dưỡng giáo viên về CNTT và triển khai chương trình công nghệ giáo dục</i> | 15 | | | |
| | - 100% giáo viên ứng dụng được CNTT hỗ trợ trong dạy học, sử dụng phần mềm Soạn giảng trong dạy học, Quản lý Ngân hàng đề thi trực tuyến. - CBQL triển khai đến tất cả cán bộ, giáo viên, học sinh phần mềm Dạy học trực tuyến mà Sở GDĐT đã cung cấp. - CBQL thường xuyên giới thiệu, triển khai đến giáo viên các phần mềm mới hoặc các tính năng mới của phần mềm, các ứng dụng để phục vụ hoạt động dạy học trong nhà trường (ít nhất 02 phần mềm/năm học, ghi rõ tên phần mềm). - Trong năm học có kế hoạch triển khai hình thức dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp theo quy định của Sở GDĐT. | 3 5 2 5 | | | - Thông qua báo cáo của trường. - Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành. - Có số liệu cụ thể. - Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành và số tiết, môn học dạy học trực tuyến. |
| 5 | Báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu, qui định của Ngành. <i>(Mỗi báo cáo chậm trễ, không chính xác hoặc không đạt yêu cầu sẽ bị trừ 5 điểm).</i> | 5 | | | - Theo dõi của phòng chuyên môn thuộc Sở |
| IX | Công tác thống kê, quản lý tài chính và huy động các nguồn lực xã hội | 50 | | | |
| 1 | Phối hợp với phòng GDĐT xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện, khả năng thực tế và tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; có số liệu chi tiết và tính tỷ lệ % để so sánh với năm học trước, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; có số liệu đánh giá việc thực hiện các mục tiêu lớn của nhà trường. | 10 | | | Kế hoạch số, ngày, tháng, năm (ngắn hạn hoặc dài hạn) |
| 2 | Chấp hành việc dự toán thu chi ngân sách của đơn vị; thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước đảm bảo công khai, dân chủ, thống nhất; chấp hành quy định về thu, chi, quản lý, sử dụng các nguồn kinh | 10 | | | Dự toán và công khai dự toán năm hiện hành |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|----|--|------------|--------------|---------------|--|
| | phí theo đúng chế độ hiện hành. Thực hiện nghiêm túc các quy định về thu, chi các khoản đóng góp tự nguyện cho giáo dục. Thực hiện có hiệu quả quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng tài chính, tài sản của cơ sở giáo dục. | | | | |
| 3 | Không lạm thu; không làm thất thoát tài sản, kinh phí nhà nước trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. | 5,0 | | | Theo dõi của phòng chuyên môn |
| 4 | <p>- Thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 1778/SGDĐT-KHTC ngày 04/8/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng về việc triển khai Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Việc công khai được thực hiện bằng cách: Công bố tại kỳ họp; niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan. Sau khi thực hiện công khai đơn vị tiến hành lập biên bản, gồm các thành phần (Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Ban thanh tra nhân dân, Kế toán đơn vị).</p> <p>- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.</p> | 2 | | | <p>- Quyết định số, ngày, tháng, năm ban hành</p> <p>- Hình ảnh niêm yết công khai; biên bản thực hiện công khai.</p> <p>- Quy chế chi tiêu nội bộ (số, ngày, tháng, năm ban hành)</p> |
| 5 | Thực hiện báo cáo thống kê kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng tiến độ. Khai thác và sử dụng thống nhất khi báo cáo các cấp đều dùng bộ số liệu: trường, lớp, học sinh, giáo viên ... đã đăng trên hệ thống Emis online (dùng chức năng thêm vào trang chủ của hệ thống EMIS online). | 10 | | | Theo dõi của phòng chuyên môn |
| 6 | Báo cáo tài chính theo Luật Ngân sách, Luật kế toán, đúng qui định. Báo cáo đầy đủ các khoản thu chi như: thực hiện dự toán chi thường xuyên, thu chi học phí, lệ phí, chi chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn khác. | 10 | | | Theo dõi của phòng chuyên môn |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|----------|--|------------|--------------|---------------|---|
| X | Tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học | 50 | | | |
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Có giải pháp phát triển và thực hiện tăng cường cơ sở vật chất theo hướng đạt chuẩn quốc gia (bao gồm: khối phòng học, khối hành chính - quản trị, các phòng học bộ môn, thư viện, sân chơi, bãi tập, bàn ghế, phương tiện, thiết bị giáo dục tối thiểu). - Phòng học và phòng đa năng đáp ứng về diện tích, độ kiên cố, ánh sáng, quạt điện. - Thiết bị đồ dùng dạy học đáp ứng số lượng, chất lượng, loại. | 4 | | | Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành; hoặc số liệu về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học... đã tăng cường. |
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức bảo quản, khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật, phòng học bộ môn, thiết bị giáo dục, thư viện, bãi tập TDTT và QPAN, ... - Ban hành quyết định phân công giáo viên hoặc cán bộ thiết bị, thực hiện quản lý tốt các phòng bộ môn và dụng cụ dạy học. - Hằng năm thực hiện kiểm kê tài sản và báo cáo theo qui định của Bộ Tài chính. Có kế hoạch sửa chữa, thanh lý, mua sắm bổ sung thiết bị, hóa chất, sách báo... trong nhà trường. - Hằng năm có kế hoạch tự làm thêm các đồ dùng dạy học và khai thác có hiệu quả. | 10 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo của trường. - Quyết định số, ngày, tháng, năm ban hành. - Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành. - Số lượng, tên gọi đồ dùng dạy học tự làm. |
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Thư viện sắp xếp ngăn nắp, khoa học và sử dụng có hiệu quả sách giáo khoa, sách tham khảo, nguồn tài liệu... - Có kế hoạch xây dựng thư viện theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. | 5 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo của trường. - Thông qua đánh giá của các đoàn công tác, đoàn kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo; hoặc Lãnh đạo Sở đến thăm và làm việc. - Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành |
| 4 | Báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu, qui định của Ngành. <i>(Mỗi báo cáo chậm trễ, không chính xác hoặc không đạt yêu cầu sẽ bị trừ 5 điểm).</i> | 5 | | | - Theo dõi của phòng chuyên môn thuộc Sở |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|-----------|---|------------|--------------|---------------|---|
| XI | Thực hiện các cuộc vận động và công tác tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương | 50 | | | |
| 1 | <p>- Xây dựng và triển khai kế hoạch trong cán bộ, nhà giáo và người lao động học tập và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhận thức, quán triệt và thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, chiến lược phát triển Giáo dục giai đoạn 2020-2025 ở địa phương, đơn vị và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của BCH Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”.</p> <p>- Triển khai, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.</p> | 5,0 | | | Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành |
| 2 | <p>- Tích cực tham gia các phong trào thi đua, cuộc vận động do địa phương, ngành và Công đoàn phát động. Kịp thời ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật gây bức xúc trong dư luận xã hội, ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của nhà giáo, người lao động.</p> <p>- Có kế hoạch triển khai, thực hiện việc xây dựng Trường học hạnh phúc, xây dựng văn hoá học đường theo chỉ đạo của Bộ GDĐT và Công đoàn Giáo dục Việt Nam</p> | 10 | | | Kế hoạch số, ngày, tháng, năm ban hành |
| 3 | Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động: “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”; có xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ, có tổ chức đối thoại tại cơ sở theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | 10 | | | <p>Có số liệu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động. - Xây dựng quy chế dân chủ số ngày, tháng, năm ban hành. |

| TT | Nội dung công tác | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Minh chứng |
|----|--|------------|--------------|---------------|---|
| 4 | Thực hiện báo cáo chính xác, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu, qui định của Công đoàn Ngành. <i>(Báo cáo trễ hạn trừ 2 điểm; các nội dung công tác không có minh chứng cụ thể sẽ không được tính điểm).</i> | 5,0 | | | Theo dõi của Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh. |
| | Tổng cộng | 950 | | | |

B. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Hướng dẫn chấm điểm

Việc đánh giá chấm điểm từng nội dung công tác dựa trên kết quả đạt được so với kế hoạch của trường đã triển khai thực hiện trong năm học.

Tổng số điểm đạt được của 11 nội dung công tác là **950 điểm** (chưa bao gồm điểm cộng thêm không quá 50 điểm). Chỉ xem xét đề nghị tặng Cờ thi đua xuất sắc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các đơn vị hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm và có số điểm đạt từ 950 trở lên.

Trong 11 lĩnh vực công tác: nếu nội dung nào hoặc lĩnh vực nào không có minh chứng kèm theo thì 0 điểm; có 01 lĩnh vực 0 điểm thì sẽ không được xét tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen của UBND tỉnh.

II. Phân chia các Khối thi đua

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Kiện toàn Cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Công văn số 06/HD-SNV ngày 15/7/2022 của Sở Nội vụ tỉnh về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua Cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, chia các trường THPT thành 03 Khối thi đua như sau:

| KHỐI 14 | | KHỐI 15 | | KHỐI 16 | |
|---------|----------------------------------|---------|--------------------|---------|--------------------------|
| TT | Trường | TT | Trường | TT | Trường |
| 1 | THPT Hoàng Diệu | 1 | THPT An Lạc Thôn | 1 | THPT Thành Phố Sóc Trăng |
| 2 | THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai | 2 | THPT Phan Văn Hùng | 2 | THPT Vĩnh Hải |

| KHỐI 14 | | KHỐI 15 | | KHỐI 16 | |
|---------|-----------------------|---------|-------------------------------|---|---------------------------------|
| TT | Trường | TT | Trường | TT | Trường |
| 3 | THPT DTNT Huỳnh Cương | 3 | THPT Mỹ Hương | 3 | THPT Ngã Năm |
| 4 | THPT Nguyễn Khuyến | 4 | THCS và THPT Mỹ Thuận | 4 | THPT Thạnh Tân |
| 5 | THPT Mai Thanh Thế | 5 | THCS và THPT Long Hưng | 5 | THPT Thiều Văn Chỏi |
| 6 | THPT Trần Văn Bảy | 6 | THPT Lê Văn Tám | 6 | THPT An Ninh |
| 7 | THPT Lịch Hội Thượng | 7 | THPT An Thạnh 3 | 7 | THPT Phú Tâm |
| 8 | THPT Kế Sách | 8 | THCS và THPT Hưng Lợi | 8 | THPT Ngọc Tố |
| 9 | THPT Đại Ngãi | 9 | THCS và THPT Lai Hòa | 9 | THPT Hòa Tú |
| 10 | THPT Mỹ Xuyên | 10 | THCS và THPT Khánh Hòa | 10 | THPT Văn Ngọc Chính |
| 11 | THPT Huỳnh Hữu Nghĩa | 11 | THCS và THPT Trần Đề | 11 | THPT Lương Định Của |
| 12 | THPT Thuận Hòa | 12 | THCS và THPT Tân Thạnh | 12 | Trung tâm Giáo dục thường xuyên |
| 13 | THPT Đoàn Văn Tố | 13 | THCS và THPT Dương Kỳ Hiệp | | |
| | | 14 | THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu | | |
| | | 15 | PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú | Tổng cộng: có 39 trường và 01 trung tâm. | |

III. Nhiệm vụ cụ thể

1. Các Khối thi đua

a) Từ năm học 2023-2024 về sau, Trưởng khối và Phó Trưởng khối thực hiện theo Công văn của Sở GDĐT về việc phân công Trưởng và Phó Trưởng khối thi đua các trường THPT vào đầu năm học do các Khối thi đua thống nhất đề nghị.

b) Các Khối thi đua tổ chức họp Khối ít nhất 02 lần/năm:

- Lần 1: Đầu năm học, Trưởng khối tổ chức cho các đơn vị trong Khối đăng ký nhiệm vụ được giao và ký kết giao ước thi đua. Báo cáo kết quả về Văn phòng Sở GDĐT (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành), chậm nhất ngày 10/10 hàng năm.

- Lần 2: Cuối năm học, tổ chức bình xét thi đua trong Khối để bình chọn đơn vị dẫn đầu đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, 03 đơn vị có điểm thấp hơn liền kề đề nghị Bằng khen UBND tỉnh.

c) Nguyên tắc bình xét thi đua trong Khối

- Trưởng Khối tổng hợp điểm tự chấm của tất cả các thành viên trong Khối theo từng lĩnh vực công tác và xếp hạng theo điểm từ cao xuống thấp. Gửi đến các thành viên trong Khối để nghiên cứu trước ngày họp ít nhất 03 ngày làm việc.

- Tổ chức họp Khối để tổng kết phong trào thi đua và bình xét khen thưởng trên tinh thần xây dựng, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển (mời Sở Giáo dục và Đào tạo tham dự).

- Trưởng khối hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Văn phòng Sở GDĐT (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các đơn vị trực thuộc) chậm nhất ngày **10/6** hàng năm bao gồm:

+ Tờ trình và Báo cáo thành tích đề nghị tặng Cờ và Bằng khen UBND tỉnh của các thành viên trong Khối.

+ Biên bản họp Khối (lưu ý: xét và bình chọn Cờ, Bằng khen UBND tỉnh phải đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 26, Khoản 1 Điều 27 và Khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng và theo tỷ lệ phiếu tán thành đã quy định; đề nghị Trưởng khối và Phó Trưởng khối cho năm học tiếp theo).

+ Báo cáo Tự đánh giá các lĩnh vực công tác của tất cả các thành viên trong khối (*thực hiện báo cáo riêng từng lĩnh vực công tác; mỗi lĩnh vực báo cáo rõ ràng, cụ thể, chi tiết và có hồ sơ minh chứng kèm theo bao gồm cả bản giấy, hình ảnh và files theo thứ tự*).

2. Các phòng chuyên môn thuộc Sở GDĐT

a) Để giúp lãnh đạo Sở GDĐT theo dõi, chỉ đạo 03 Khối thi đua thực hiện các nội dung công tác, đồng thời để bình xét khen thưởng các trường trung học phổ thông cuối năm học được chính xác, khách quan công bằng, có tác dụng giáo dục, động viên, nêu gương học tập trong ngành, Giám đốc Sở GDĐT phân công các phòng phụ trách theo dõi, đánh giá các mặt công tác như sau:

| TT | Lĩnh vực công tác | Phụ trách |
|-----------|---|---|
| 1 | Thực hiện kế hoạch phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục | Phòng Giáo dục Trung học |
| 2 | Xây dựng đội ngũ | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 3 | Chính trị - tư tưởng, phong trào | Phòng Giáo dục dân tộc, Giáo dục chuyên nghiệp và Giáo dục thường xuyên |
| 4 | Khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia | Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục |
| 5 | Kiểm tra nội bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng | Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 6 | Giáo dục dân tộc | Phòng Giáo dục dân tộc, Giáo dục chuyên nghiệp và Giáo dục thường xuyên |
| 7 | Cải cách hành chính | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 8 | Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số | Tổ Công nghệ thông tin; Phòng Giáo dục Trung học |
| 9 | Thống kê, quản lý tài chính và huy động các nguồn lực xã hội | Phòng Kế hoạch - Tài chính; Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh |
| 10 | Tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học | Phòng Giáo dục Trung học |
| 11 | Thực hiện các cuộc vận động và công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương | Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh |

b) Sau khi các Khối tổ chức bình xét thi đua và gửi kết quả đề nghị khen thưởng về Sở GDĐT (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng), trên cơ sở theo dõi, kiểm tra trong năm học, đối chiếu với nhiệm vụ năm học, các phòng chức năng chủ trì các nội dung công tác được Lãnh đạo Sở GDĐT giao và phúc tra lại kết quả của các Khối, gửi kết quả về Văn phòng Sở GDĐT.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các đơn vị trực thuộc

Tham mưu Lãnh đạo Sở GDĐT thành lập Đoàn tham gia dự họp do các Khối tổ chức.

Tổng hợp kết quả của các Trưởng khối và của các phòng chức năng thuộc Sở GDĐT trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các đơn vị trực thuộc xem xét trình Giám đốc Sở GDĐT đề nghị UBND tỉnh khen thưởng (khi cần thiết sẽ tham khảo ý kiến của Khối):

- Mỗi Khối thi đua: 01 Cờ thi đua UBND tỉnh cho đơn vị dẫn đầu; 03 Bằng khen UBND tỉnh cho các đơn vị có điểm thấp hơn liền kề. Trường hợp đơn vị dẫn đầu không đạt số điểm từ 950 trở lên thì không đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh và Khối thi đua được đề nghị khen thưởng tặng thêm 01 Bằng khen UBND tỉnh.

- Ngoài ra, căn cứ vào kết quả chấm điểm các lĩnh vực công tác của các đơn vị để đánh giá và xem xét bình chọn danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở GDĐT (qua Văn phòng) để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.